

Số: 08/BC7N-TTBVTV

Quảng Trị, ngày 21 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 19 tháng 02 năm 2024 đến ngày 25 tháng 02 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Nhiệt độ trung bình: 27°C Cao nhất: 31°C Thấp nhất: 24°C

Độ ẩm trung bình: 75-80% Cao nhất: 90% Thấp nhất: 65%

Trong kỳ qua thời tiết phổ biến ngày nắng, không mưa, sáng sớm có sương mù dày đặc.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa:

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Đông Xuân 2023-2024	Sớm	Đứng cái	1.500	-
	Chính vụ	Đẻ nhánh rộ	22.900	-
	Muộn	Đẻ nhánh	1.200	-
	Tổng		25.600	-

b) Cây trồng khác

Nhóm/ loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
- Cây sắn	Mọc mầm - cây con	9.200
- Cây ngô	Cây con	3.000
- Cây lạc	Cây con	>3.000
- Cây công nghiệp:		
Hồ tiêu	Phát triển quả	2.153,6
Cao su	Ra lá mới	18.800,7
Cà phê	Phân hóa mầm hoa	3.942,8

3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai trong kỳ: Không.

II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU

1. Trên cây lúa: Một số đối tượng sâu bệnh gây hại chủ yếu gồm: Bệnh đạo ôn lá phát sinh gây hại nhiều nơi, DTN 99 ha (kỳ trước bệnh phát sinh rải rác) trong đó nhiễm nặng 6 ha, tỷ lệ bệnh phổ biến 7-10%, nơi cao 20-25%; chuột DTN 450 ha (tăng 304 ha so với kỳ trước), tỷ lệ hại phổ biến 5-10%, nơi cao 20-22%; ốc bươu vàng DTN 45 ha (giảm 78 ha so với kỳ trước), mật độ phổ

biển 2-3 con/m², nơi cao 5 con/m²; ngoài ra, sâu cuốn lá nhỏ, tuyến trùng rễ, bọ trĩ... hại nhẹ một số vùng.

2. Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu phát sinh gây hại nhẹ một số vùng, DTN 15 ha, mật độ phổ biến 2-4 con/m².

3. Trên cây lạc: Tập đoàn sâu ăn lá, bệnh thối gốc mốc trắng, thối gốc mốc đen gây hại rải rác.

4. Trên cây hồ tiêu: Các đối tượng dịch hại DTN như kỳ trước, cụ thể: Tuyến trùng DTN 229 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 5-10%, nơi cao 15-20%; bệnh chết chậm DTN 137 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 5-10%, nơi cao 15-20%; bệnh đốm lá DTN 89 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 5-10%, cao 15-20%; bệnh chết nhanh DTN 23 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 5-10%; bệnh thán thư DTN 149 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 3-5%, nơi cao 15-20%; rệp sáp DTN 15 ha, tỉ lệ hại phổ biến 5-10%, nơi cao 15%.

5. Trên cây cà phê: Rệp các loại DTN 60 ha, tỉ lệ hại phổ biến 5-10%, nơi cao 30%; bệnh khô cành DTN 780 ha trong đó hại nặng 85 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 10-15%, nơi cao 60-70%; bệnh thán thư DTN 645 ha trong đó hại nặng 70 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 15-20%, nơi cao 70%; bệnh rỉ sắt DTN 753 ha (tăng 10 ha so với kỳ trước) trong đó hại nặng 98 ha, tỷ lệ bệnh phổ biến 10-30%, nơi cao 70%.

6. Trên cây cao su: Bệnh loét sọc mặt cạo DTN 296 ha (giảm 12 ha so với kỳ trước) trong đó nhiễm nặng 13 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 5-10%, nơi cao 30%; bệnh xì mủ DTN 156 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 5-10%, nơi cao 15%; hiện tượng khô cành, rụng lá diện tích khoảng 600 ha, tỷ lệ phổ biến 5-10%, nơi cao 20-30%. Bệnh phấn trắng, héo đen đầu lá bắt đầu phát sinh rải rác một số vườn.

7. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus gây hại nhiều nơi trên sắn mới trồng, DTN 295 ha (tăng 264 ha so với kỳ trước) trong đó nhiễm nặng 32 ha, tỷ lệ bệnh phổ biến 5-10%, nơi cao 30-40%, cục bộ có nơi 70-80%.

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

1.1. Trên cây lúa: Chuột tiếp tục gây hại nhiều nơi; bệnh đạo ôn lá tiếp tục lây lan gây hại trên diện rộng, đặc biệt trên những giống nhiễm như IR 38, Bắc thom 7, HC 95, BDR 57..., bệnh có thể hại nặng và gây cháy cục bộ nếu không được phát hiện và xử lý sớm; ốc brou vàng, bọ trĩ tiếp tục gây hại trên lúa trà muộn; rầy, sâu cuốn lá nhỏ,... tích lũy mật độ, khả năng phát sinh gây hại trên lúa giai đoạn đứng cái.

1.2. Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu tiếp tục lây lan, gây hại các vùng.

1.3. Trên cây lạc: Tập đoàn sâu ăn lá, bệnh thối gốc, lở cổ rễ,..., tiếp tục phát sinh, có thể hại nặng cục bộ nếu không được phát hiện và xử lý kịp thời.

1.4. Trên cây hồ tiêu: Bệnh chết chậm, chết nhanh, thán thư... tiếp tục gây hại các vườn bị bệnh, vùng ổ dịch.

1.5. Trên cây cà phê: Các đối tượng dịch hại như: Bệnh khô cành, thán thư, rỉ sắt,... tiếp tục gây hại nhiều nơi, hại nặng trên các vườn cà phê già cỗi, các vườn không chú trọng công tác phòng trừ.

1.6. Trên cây cao su: Bệnh xì mủ, loét sọc mặt cạo tiếp tục gây hại và có thể lây lan ra các vườn khác; bệnh phấn trắng, héo đen đầu lá khả năng phát sinh gây hại nhiều nơi.

1.7. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus tiếp tục gây hại trên sắn mới trồng, nhất là những vùng đã bị bệnh các năm trước.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

2.1. Trên cây lúa:

- Tăng cường kiểm tra bệnh đạo ôn trên tất cả các giống, kiểm tra kỹ trên các giống nhiễm như: HC95, IR38, Bắc thơm 7, BDR 57..., trên các chân ruộng gieo dày, bón thừa đạm... Kịp thời phun thuốc trừ bệnh khi bệnh mới phát sinh (*tỷ lệ bệnh khoảng 5%*). Trên những chân ruộng đã bị bệnh đạo ôn phải ngừng bón tất cả các loại phân và phân bón qua lá, tiến hành phun thuốc trừ bệnh bằng các loại thuốc có hoạt chất *Tricyclazole, Isoprothiolane, Fenoxanil + Isoprothiolane, Fenoxanil + Tricyclazole*,... như: Beam, Fujione, Ninja, Filia, Map Famy,... theo liều lượng khuyến cáo, chú ý phải phun ướt đẫm lá, lượng nước thuốc đã pha ít nhất 20 lít/sào; vùng bị nặng phải phun tiếp lần hai sau lần một 5 - 7 ngày. Những ruộng đã nhiễm bệnh đạo ôn sau khi phun thuốc, bệnh ngừng phát triển mới được bón phân.

- Duy trì công tác diệt chuột bằng nhiều biện pháp để hạn chế chuột gây hại, ưu tiên các biện pháp thủ công (*Tuyệt đối nghiêm cấm dùng biện pháp kích điện để diệt chuột*).

- Theo dõi mật độ sâu cuốn lá nhỏ, rầy các loại,... để có biện pháp phòng trừ kịp thời.

2.2. Trên cây ngô:

- Thực hiện các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp để phòng chống sâu keo mùa thu. Thường xuyên điều tra tình hình phát sinh gây hại của sâu để phát hiện sớm và có biện pháp xử lý triệt để.

- Những nơi sâu đang gây hại sử dụng các loại thuốc hóa học có hoạt chất *Bacillus Thuringiensis, Spinetoram, Indoxacarb, Lufenuron, Emamectin benzoate*... như: Bitadin WP, Map - Biti WP 50000 IU/mg, Radiant 60SC, Map wing 45WP, Amater 150SC, Indocar 150SC, Angun 5WG, Proclaim 1.9EC,... để phun trừ khi sâu đa số tuổi 1-2, phun vào sáng sớm hoặc chiều mát, phun 2 lần cách nhau 10-12 ngày, phun ướt đều 2 mặt lá, nách lá và nõn lá.

2.3. Trên cây lạc: Tăng cường kiểm tra, theo dõi mật độ, tỷ lệ hại của các đối tượng sâu, bệnh để kịp thời tổ chức phòng trừ, không để lây lan ra diện rộng.

2.4. Trên cây hồ tiêu: Kiểm tra, xử lý thuốc phòng trừ tuyến trùng, rệp sáp, bệnh chết chậm, chết nhanh... Đối với bệnh chết nhanh cần thu gom tàn dư cây bị bệnh mang ra khỏi khu vực vườn và đốt tiêu hủy, xử lý đất tại các gốc tiêu bị bệnh bằng vôi bột, tăng cường sử dụng các loại chế phẩm sinh học để phòng bệnh.

2.5. Trên cây cà phê: Tiến hành chăm sóc, bón phân đảm bảo đầy đủ dinh dưỡng để cây phân hóa mầm hoa thuận lợi; xử lý thuốc phòng trừ sâu bệnh ở những vườn bị gây hại nặng.

2.6. Trên cây cao su: Kiểm tra vườn thường xuyên, phát hiện và xử lý cây bị bệnh xì mù, loét sọc mặt cạo. Tiến hành bôi thuốc trên miệng cạo và vết xì mù bằng các loại thuốc đặc hiệu để tránh lây lan nhiều nơi. Tăng cường điều tra phát hiện kịp thời bệnh phấn trắng và héo đen đầu lá; tổ chức phòng trừ bệnh ngay khi cây ra lá mới (*lá nhú chân chim*) nhất là trên các vườn đã bị khô cành rụng lá trong thời gian qua để tăng khả năng phục hồi của cây.

2.7. Trên cây sắn: Điều tra, khoanh vùng bị nhiễm bệnh khảm lá virus để xử lý không để lây lan ra diện rộng, có thể nhổ bỏ cây bệnh và trồng dặm thay thế nếu kịp thời vụ. Đối với những vùng chưa tiến hành trồng mới: Tuyệt đối không sử dụng hom sắn từ các vùng đã bị bệnh khảm lá để trồng. Điều tra theo dõi các đối tượng sâu, bệnh khác như rệp sáp bột hồng, bệnh chổi rồng để có biện pháp xử lý hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV vùng khu 4 (B/c);
- Sở NN & PTNT Quảng Trị (B/c);
- Trung tâm Khuyến nông;
- Chi cục trưởng, các PCCT;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, thành phố, thị xã;
- Trạm TT&BVTV các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, P.BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Trần Minh Tuấn

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ

STT	Tên SVGH	Mật độ sâu (con/m ²), tỉ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	DTN các loại dịch hại (ha)					So sánh diện tích nhiễm (+/- ha)		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
		Phổ biến	Nơi cao	Cục bộ		Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	Cùng kỳ năm trước		
I	Cây lúa (Đẻ nhánh - đứng cái)													
1	Ốc bươu vàng	2-3	5			45	40	5	0	0	-78	-9	>1.0000	Tr. Phong, V. Linh, Đ. Hà
2	Chuột	5-10	20-22			450	388	54	8	0	+304	+220	>10.000	H. Lăng, Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, Đ. Hà
3	Đạo ôn lá	7-10	20-25		1-3	99	81	12	6	0	+99	+99	20	C. Lộ, G. Linh, V. Linh, Đ. Hà
II	Cây ngô													
1	Sâu keo mùa thu	1-4			1-5	15	15	0	0	0	+15	-14	5	C. Lộ, Đakrông
III	Cây hồ tiêu (Phát triển quả)													
1	Chết chậm	5-10	15-20		1-3	137	120	17	0	0	0	-19	0	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
2	Chết nhanh	5-10			1	23	21	2	0	0	0	0	0	V.Linh
3	Tuyến trùng	5-10	15-20		1	229	200	27	2	0	0	-37	50	Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, H. Hóa
4	Thán thư	3-5	15-20		1-3	149	129	20	0	0	0	-16	30	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
5	Đốm lá	5-10	15-20		3	89	73	16	0	0	0	-16	0	C. Lộ, G. Linh, H. Hóa
6	Rệp sáp	5-10	15		1-2	15	10	5	0	0	0	-27	0	Hướng Hóa
IV	Cây cà phê (Phân hóa mầm hoa)													
1	Khô cành	10-15	60		1	780	505	190	85	0	0	+40	0	Hướng Hóa
2	Thán thư	15-20	50		1-3	645	380	195	70	0	0	+75	50	
3	Rệp	5-10	25		1-3	60	60	0	0	0	0	-95	0	
4	Rỉ sắt	10-30	70		1	753	440	215	98	0	+10	-37	50	
V	Cây cao su (Ra lá mới)													
1	Loét sọc mặt cạo	5-10	30		1-3	296	169	105	22	0	-12	+41	20	C. Lộ, G.Linh, V. Linh

STT	Tên SVGH	Mật độ sâu (con/m ²), tỉ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	DTN các loại dịch hại (ha)					So sánh diện tích nhiễm (+/- ha)		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
		Phổ biến	Nơi cao	Cục bộ		Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	Cùng kỳ năm trước		
2	Xì mũ	5-10	15		1-3	156	136	20	0	0	+1	+13	10	Tr. Phong, C. Lộ, G.Linh, V. Linh
3	Khô cành, rụng lá	5-10	20-30			600	555	37	8	0	0	+600	8	C. Lộ, G. Linh, V. Linh
VI	Cây sắn (Mọc mầm - cây con)													
1	Khảm lá virus	5-10	30-40	70-80		295	136	127	32	0	+271	+264	0	H. Lãng, TX. Quảng Trị, Tr. Phong, V. Linh, Đakrông